

Số: 39 /GCN-SXD-VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 30/3/2024; báo cáo kết quả khắc phục số 227/VKHTLMN ngày 09/5/2024 của Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam (Giấy tiếp nhận hồ sơ số H29.18-240330-0012 ngày 01/4/2024, ngày 10/5/2024 do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố);

Xét Biên bản đánh giá thực tế ngày 11/4/2024 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo ngày 09/5/2024 của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục của doanh nghiệp (văn bản đến Sở Xây dựng ngày 13/5/2024);

Theo đề nghị tại Phiếu trình số 368/PTr-VLXD ngày 16/5/2024 của Phòng Vật liệu xây dựng;

CHỨNG NHẬN:

1. Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ: Số A - 106 đăng ký lần đầu ngày 05/6/1993, đăng ký lần thứ tám ngày 08/12/2016 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

Địa chỉ: Số 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028).39238320.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và Kết cấu công trình.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 658 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: **LAS-XD 58.011**¹ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tải website);
- Lưu VT, VLXD/D, K.

H29.18-240330-0012 ngày 01/4/2024, ngày 10/5/2024.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Phú Thành

¹ Chuyển đổi từ LAS-XD 143 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 35/GCN-BXD ngày 18/01/2019 của Bộ Xây dựng.

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.011**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 39 /GCN-SXD-VLXD ngày 17/5/2024 của Sở Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
THỬ NGHIỆM XI MĂNG		
1	Xác định độ mịn của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
3	Xác định giới hạn bền uốn	TCVN 6016:2011
4	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 6016:2011 ASTM C109
5	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015
6	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015
7	Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
8	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2004
9	Xác định nhiệt thủy hóa	TCVN 6070:2005 ASTM C186
10	Xác định hàm lượng SO ₃	TCVN 141:2023
11	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2023
12	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong môi trường sunfat	ASTM C1012 TCVN 7713:2007
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
13	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
14	Xác định thành phần thạch học của cốt liệu	TCVN 7572-3:2006
15	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
17	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
18	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
19	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
20	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
21	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
22	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
23	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
24	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:2006
25	Xác định hàm lượng ion Clo	TCVN 7572-15:2006
26	Xác định hàm lượng sunfat, sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
27	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
28	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
THỬ NGHIỆM NƯỚC DÙNG CHO BÊ TÔNG		
29	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
30	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
31	Xác định lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
32	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996
33	Xác định hàm lượng ion clo (Cl^-)	TCVN 6194:1996
34	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG		
35	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
36	Xác định hàm lượng chất khô của phụ gia hóa học	TCVN 8826:2011
37	Xác định hàm lượng tro của phụ gia hóa học	TCVN 8826:2011
38	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2011
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG XI MĂNG		
39	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
40	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022
41	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
42	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
43	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022
44	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
45	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
46	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
47	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
48	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; BS EN 12390-8
49	Xác định độ co ngót	TCVN 3117:2022
50	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39 BS EN 12390-3

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
51	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
52	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
53	Xác định cường độ lãn trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
54	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012 ASTM C403
55	Xác định pH trong bê tông và vữa	TCVN 9339:2012
56	Xác định độ thấm ion clo bằng phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012
57	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	ASTM C1064
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
58	Xác định độ bền uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
59	Xác định độ bám dính của vữa đã đóng rắn với nền	TCVN 3121-12:2022
60	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
61	Xác định thời gian ninh kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
62	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
63	Xác định độ giãn nở, độ tách nước	ASTM C940
64	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012 ASTM C230 ASTM C939
65	Xác định khối lượng thể tích vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
66	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
67	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
68	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 ASTM A370
69	Thử uốn	TCVN 198:2008 ASTM A370
70	Thép thanh cốt thép bê tông - Thử uốn và uốn lại	TCVN 6287:1997
71	Thử kéo mối hàn (ngang – dọc)	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010
72	Thử uốn mối hàn	TCVN 5401:2010
73	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ	TCVN 4396:2018 ASTM E709 AWS D1.1
74	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
		ASTM E164 AWS D1.1
75	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thâm thấu	TCVN 4617-2:2018 ASTM E165
76	Đo chiều dày của lớp mạ kim loại	TCVN 5408:2007
77	Thử cấp độ bền ren của bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370 ASTM F606
78	Xác định độ cứng Rockwell của neo	TCVN 257-1:2007
79	Thử độ tụt của nêm neo	ASTM A370
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG		
80	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén, uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng; vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG NHẸ		
81	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Cường độ nén; Khối lượng thể tích khô; Độ co ngót khô; Độ hút nước	TCVN 9030:2017
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG		
82	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định cường độ chịu nén; Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
83	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
84	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6476:1999
85	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO		
86	Xác định kích thước cơ bản và ngoại quan; Xác định độ hút nước	TCVN 7744:2013
87	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
88	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
THỬ NGHIỆM BỘT BẢ TƯỜNG GÓC XI MĂNG POÓC LĂNG		
89	Xác định cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
90	Xác định độ mịn	TCVN 13605:2023
THỬ NGHIỆM VỮA (KEO) DÁN GẠCH, VỮA (KEO) CHÍT MẠCH		
91	Xác định cường độ bám dính	TCVN 7899-2:2008
92	Xác định thời gian mở	TCVN 7899-2:2008
93	Xác định cường độ uốn và nén	TCVN 7899-4:2008
94	Xác định độ hút nước	TCVN 7899-4:2008
95	Xác định độ co ngót	TCVN 7899-4:2008

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
96	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7899-4:2008
THỬ NGHIỆM GẠCH GỐM ỐP LÁT		
97	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
98	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
99	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN		
100	Xác định kích thước	TCVN 4732:2016
101	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
102	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
103	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
104	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
THỬ NGHIỆM GỖ		
105	Xác định độ hút ẩm	TCVN 8046:2009
106	Xác định độ bền uốn va đập	TCVN 13707-10:2023
107	Xác định độ cứng va đập	TCVN 13707-11:2023
108	Xác định độ cứng tĩnh	TCVN 13707-12:2023
109	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13:2023
110	Xác định độ co rút thể tích	TCVN 13707-14:2023
111	Xác định độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-15:2023
112	Xác định độ giãn nở thể tích	TCVN 13707-16:2023
113	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023
114	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023
115	Xác định môđun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 13707-4:2023
116	Xác định cường độ chịu nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023
117	Xác định ứng suất kéo song song thớ	TCVN 13707-6:2023
118	Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023
119	Xác định ứng suất cắt song song thớ	TCVN 8048-8:2009
120	Xác định độ bền cắt song song thớ của gỗ xẻ	TCVN 13707-9:2023
THỬ NGHIỆM SƠN, LỚP PHỦ, SƠN NHIỆT ĐÈO, SƠN LÓT		
121	Độ bám dính của màng	TCVN 2097:2015
122	Chiều dày màng sơn	TCVN 9406:2012
123	Xác định cường độ bám dính với nền	ASTM D 4541

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
THỬ NGHIỆM EPOXY		
124	Xác định tỷ trọng	ASTM D1475
125	Xác định khối lượng thể tích	ASTM D1475
126	Xác định độ nhớt	TCVN 7952-1:2008
127	Xác định cường độ dính kết	TCVN 7952-4:2008
128	Xác định độ hấp thụ nước sau 2 giờ	TCVN 7952-5:2008
129	Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng uốn	TCVN 7952-6:2008
130	Xác định hệ số co ngót sau đóng rắn	TCVN 7952-8:2008
131	Xác định cường độ chịu nén, mô đun đàn hồi	TCVN 7952-9:2008
132	Xác định cường độ chịu kéo, độ giãn dài	TCVN 7952-10:2008; ASTM D412
133	Xác định độ hút nước	ASTM D570
134	Xác định cường độ liên kết	TCVN 7952-11:2008
THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA		
135	Xác định kích thước	TCVN 6415:2007
136	Xác định độ bền kéo	TCVN 7434-1:2004
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THẤM DẠNG LÔNG		
137	Xác định khối lượng riêng (ở 25 ⁰ C)	ASTM D1475
138	Xác định thành phần chất rắn không bay hơi	ASTM D1644
139	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BENTONITE		
140	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017
141	Xác định độ nhớt biểu kiến	TCVN 11893:2017
142	Xác định lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
143	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017
144	Xác định tỉ lệ chất keo	TCVN 11893:2017
145	Xác định lượng mất nước	TCVN 11893:2017
146	Xác định độ dày áo sét	TCVN 11893:2017
147	Xác định độ ổn định	TCVN 11893:2017
148	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM, LƯỚI ĐỊA KỸ THUẬT, MÀNG ĐỊA KỸ THUẬT		
149	Xác định chiều dày danh định	TCVN 8220:2009 ASTM D5199 ASTM D1777 ASTM D5994 ISO 9863
150	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010 ASTM D4595 ASTM D6637 ISO 10319
151	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011 ASTM D4632
152	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011 ASTM D4533
153	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011 ISO 12236
154	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 9752:2014 TCVN 8871-4:2011 ASTM D4833
155	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011 ASTM D3786
156	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8486:2010 TCVN 8871-6:2011 ASTM D4751 ISO 12956
157	Xác định độ thấm xuyên (thấm đứng) và hệ số thấm	TCVN 8487:2010 ASTM D4491 ISO 11058
158	Xác định lưu lượng thấm ngang	TCVN 8483:2010 ISO 12958-2 ASTM D4716
159	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009 ASTM D5261 ASTM D3776 ISO 9864
160	Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8484:2010 ISO 13433 ASTM D 6241 ASTM D 5494

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
161	Xác định khả năng chịu tia cực tím, nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:2010 ASTM D4355
162	Xác định cường độ chịu kéo mối nối	TCVN 9138:2012 ASTM D4884 ISO 10321
163	Xác định cường độ chịu kéo của chi nối	ASTM D2256
164	Xác định hàm lượng carbon đen	TCVN 9753:2014 ASTM D1603 ASTM D4218 ISO 6964
THỬ NGHIỆM RỌ ĐÁ, THÂM ĐÁ, DÂY THÉP BỌC NHỰA VÀ VỎ BỌC PVC		
165	Xác định khối lượng tăng kẽm	TCVN 4392:1986 TCVN 2053:1993
166	Xác định tổn thất bay hơi ở 105°C trong 24 giờ	ASTM D 1203
167	Xác định khả năng kháng mài mòn	TCVN 5363:2013 ISO 4649 ASTM D5963
168	Xác định độ cứng vỏ bọc PVC	ASTM D 2240
169	Xác định khối lượng riêng vỏ bọc PVC	ASTM D792
170	Xác định độ bền chịu kéo, mô đun đàn hồi và độ giãn dài của vỏ bọc PVC	ASTM D 412-16
171	Xác định đường kính lõi thép	TCVN 2053:1993
172	Xác định kích thước dây bọc, dây viền mạ kẽm, chiều dày vỏ bọc	TCVN 2053:1993
173	Xác định ứng suất kéo đứt và độ giãn dài tương đối của sợi thép	TCVN 1824:1993 ASTM A370
THỬ NGHIỆM ĐÁT, ĐÁ TRONG PHÒNG		
174	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor (Độ ẩm đầm chặt tốt nhất, khối lượng thể tích khô lớn nhất trong phòng thí nghiệm, tỷ lệ hạt quá cỡ, tỷ trọng khối của hạt quá cỡ, khối lượng thể tích khô lớn nhất sau hiệu chỉnh, độ ẩm đầm nén tốt nhất sau hiệu chỉnh)	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020
THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
175	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đại (Xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	TCVN 12791:2020 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012
176	Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm
177	Xác định môđun đàn hồi “E” bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
178	Xác định môđun đàn hồi “E” bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
179	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13537:2022
180	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng phương pháp súng bật nảy	TCVN 9334:2012
181	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng phương pháp kết hợp siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
182	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong Bê tông	TCVN 9356:2012
183	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu bằng phương pháp khoan lấy mẫu	TCVN 12252:2020
184	Xác định lực kéo nhỏ bê tông	TCVN 9490:2012 ASTM C900 ASTM E1512
185	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
186	Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp (phương pháp kéo đứt)	TCVN 9491:2012 TCVN 9349:2012
187	Xác định chỉ số CBR tại hiện trường của vật liệu	TCVN 8821:2011
THỬ NGHIỆM CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC		
188	Xác định độ bền uốn nứt thân cọc	TCVN 7888:2014
189	Xác định độ bền uốn thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục	TCVN 7888:2014
190	Xác định khả năng bền cắt thân cọc	TCVN 7888:2014
191	Xác định độ bền uốn gãy thân cọc	TCVN 7888:2014
192	Xác định độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.